

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1049* /UBND-NN

Cầu Ngang, ngày *25* tháng 4 năm 2023

V/v thông báo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Vinh Kim

Kính gửi: Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện.

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ, xét công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vinh Kim tại Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Vinh Kim đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

Giao Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện thực hiện việc thông báo rộng rãi kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Vinh Kim để các tổ chức và Nhân dân trên địa bàn huyện được biết, tham gia đóng góp ý kiến; thông báo trên Đài phát thanh và Trang thông tin điện tử của huyện.

- Thời gian thông báo: từ ngày 24/4/2023 đến hết ngày 28/4/2023.

- Địa điểm tiếp nhận ý kiến đóng góp: UBND huyện Cầu Ngang, Văn phòng nông thôn mới huyện Cầu Ngang (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện).

Yêu cầu Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện bố trí thời gian, thời lượng thích hợp để thực hiện việc thông báo.

(Đính kèm dự thảo báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Vinh Kim để thực hiện việc thông báo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng Nông thôn mới;
- LĐVP, NN;
- Lưu: VT *DM*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trường Giang

Số: /BC-UBND

Cầu Ngang, ngày tháng 4 năm 2023

DƯ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ, xét công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Huyện Cầu Ngang, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 07/3/2023 của UBND huyện Cầu Ngang về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 14/4/2023 của UBND xã Vinh Kim về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Vinh Kim đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022,

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Vinh Kim,

Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Vinh Kim, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra: từ ngày 17/4/2023 đến ngày 19/4/2023.

1. Về hồ sơ

- Biên bản cuộc họp của UBND xã Vinh Kim đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 (bản chính).

- Báo cáo của UBND xã Vinh Kim về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2022 của xã Vinh Kim (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao).

- Báo cáo của UBND xã Vinh Kim tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội của xã và Nhân dân trong xã đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2022 của xã Vinh Kim (bản chính).

- Báo cáo của UBND xã Vinh Kim về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Vinh Kim (bản chính);

- Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã Vinh Kim.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Vinh Kim đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã; tập trung quyết liệt đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh về Chương trình cho toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Đảng ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề về xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 để tập trung lãnh, chỉ đạo thực hiện; UBND xã xây dựng kế hoạch thực hiện, đề ra lộ trình và giải pháp cụ thể nhằm thực hiện đạt mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp, hình thức sản xuất hợp lý, xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, môi trường sinh thái được bảo vệ, quốc phòng và an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân xã Vinh Kim xác định việc xây dựng xã nông thôn mới nâng cao là nhiệm vụ quan trọng và là mục tiêu phấn đấu của xã, từ đó Đảng ủy đã ban hành các văn bản chỉ đạo và phân công ngành đoàn thể xã phụ trách tiêu chí, phân công cấp ủy phụ trách hỗ trợ áp,...; UBND xã ban hành kế hoạch, công văn chỉ đạo, phân công cán bộ, công chức phụ trách hồ sơ minh chứng tiêu chí,... Bên cạnh đó, trong các cuộc hội nghị, họp lệ tuần, tháng, quý... Đảng ủy, UBND xã luôn chú trọng chỉ đạo công tác xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, đề ra những chỉ tiêu cần đạt hàng tuần, tháng, quý để cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong xã phấn đấu thực hiện.

3. Xã Vinh Kim đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới tại Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 16/05/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc “Công nhận xã Vinh Kim đạt chuẩn xã Nông thôn mới năm 2018” (giai đoạn 2013 - 2018).

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

4.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

4.1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

4.1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã đã thực hiện điều chỉnh bổ sung quy hoạch theo quy định được UBND huyện phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và đồ án điều chỉnh quy hoạch. Các bản vẽ quy hoạch được niêm yết công khai tại UBND xã để người dân biết và thực hiện. Có quy chế quản lý quy hoạch được UBND huyện phê duyệt. Nhìn chung xã đã cơ bản thực hiện đúng theo quy hoạch. Cụ thể:

4.1.1. Xã có lưu trữ đầy đủ hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã Nông thôn mới được phê duyệt theo quy định; công khai niêm yết quy hoạch được phê duyệt và hoàn thành cắm mốc quy hoạch.

4.1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

4.1.3. Đang thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định đạt 100%.

4.2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp: Được cứng hoá và bảo trì hàng năm đạt 100%; Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp đạt trên hoặc bằng 80%.

4.2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp đạt trên hoặc bằng 90%.

4.2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa đạt trên hoặc bằng 70%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.2.1. Đường trục xã, liên xã: Tổng số 8,7km; số km nhựa hóa: 8,7km (đạt 100%).

4.2.2. Đường trục ấp, liên ấp: Tổng số: 17,7km; số km cứng hóa: 17,7km (đạt 100%).

4.2.3. Đường ngõ, xóm: Tổng số: 9,4 km; số km được cứng hóa: 9,4km (đạt 100%).

4.2.4. Đường trục chính nội đồng: Tổng số: 9,9km; số km được cứng hóa: 9,9km (đạt 100%).

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 90%.

4.3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.

4.3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. đạt 50% diện tích cây trồng chủ lực của xã được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

4.3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

4.3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

4.3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Năm 2022 xã được đầu tư nạo vét lại 3 tuyến kênh cấp 3 với tổng chiều dài 1.4051m. Bên cạnh đó, trong công tác phòng chống thiên tai, xã kết hợp với Ban nhân dân các ấp tổ chức tuyên truyền hướng dẫn kỹ năng ứng phó biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai cho cán bộ ấp và Nhân dân trong xã, nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác ứng phó khi có thiên tai xảy ra. Cụ thể:

4.3.1. Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động trên địa bàn xã đạt 100% (1.950 ha/1.950ha).

Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp trong vùng sản xuất tập trung được tưới/điện tích đất nông nghiệp trong vùng sản xuất tập trung đạt 100% (1.950ha/1.950ha).

Tỷ lệ diện tích đất nuôi trồng thủy sản được cấp, thoát nước/điện tích đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã đạt 100% (650ha/650ha).

4.3.2. Có thành lập Ban Quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn xã gồm 21 thành viên, BQL tổ chức hoạt động hiệu quả đáp ứng nhu cầu sản xuất trên địa bàn xã.

4.3.3. Có 75ha/150ha dưa hấu là cây màu chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, đạt 50%.

4.3.4. Hiện trạng hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn xã gồm: 01 kênh cấp 1, chiều dài 8 km; 28 kênh cấp 2, chiều dài 53,1 km; 21 kênh cấp 3, chiều dài 15,5 km, đảm bảo 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp chủ động được

nước tưới, tiêu trong sản xuất nông nghiệp. Xã có 01 tuyến đê bao dài 6,5km và 04 cống được kiên cố hóa, được bảo trì hàng năm đạt 100%

4.3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi, qua kiểm soát chưa phát hiện trường hợp xả thải gây ô nhiễm vào công trình thủy lợi.

4.3.6. Đảm bảo điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ như:

- Có kế hoạch phòng, chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn năm 2022
- Có Quyết định thành lập đội xung kích phòng, chống thiên tai năm 2022;
- Có phương án ứng phó thiên tai của UBND xã Vinh Kim;
- Xã có hệ thống loa không dây trên địa bàn 10 ấp, đảm bảo tuyên truyền và kịp thời thông báo các thông tin về phòng chống thiên tai đến người dân.
- Không có vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai.

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt trên hoặc bằng 99%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Toàn xã có 4.170/4.170 hộ sử dụng điện đạt 100%, trong đó hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn 4.139/4.170 hộ, đạt 99,25%.

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.5. Tiêu chí số 5 về Trường học.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2. Đạt 100%.

4.5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

4.5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS đạt mức độ 3.

4.5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ đạt mức độ 2.

4.5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá.

4.5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.5.1. Xã Vinh Kim đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018, từ đó đến nay UBND huyện tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng trường lớp và trang thiết bị tổng vốn đầu tư 24,27 tỷ đồng, trong đó:

- Xây dựng giai đoạn 2015 – 2020 với tổng kinh phí là 6,47 tỷ đồng. Trong đó Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ, điểm Cà Tum B (hạng mục: xây dựng khối 01 phòng học (01 trệt) với kinh phí 770 triệu đồng; Trường Mẫu giáo Vinh Kim, điểm Giồng Lớn, xã Vinh Kim (hạng mục: Xây dựng khối 01 phòng học (01 trệt) với kinh phí 770 triệu đồng; Trường TH Vinh Kim A (hạng mục: Xây dựng khối 4 phòng hiệu bộ, hàng rào, sân đường, nhà vệ sinh là 4.03 tỷ đồng, THCS Vinh Kim xây mới hàng rào với kinh phí 900 triệu đồng.

- Xây dựng giai đoạn 2021 – 2025 với kinh phí dự kiến là 17,8 tỷ đồng. Cụ thể, Trường THCS Vinh Kim: thực hiện xây mới 09 phòng học, 09 phòng chức năng, 04 phòng bộ môn, san lấp mặt bằng, lát gạch sân trường, hàng rào, cổng, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước với kinh phí 12.7 tỷ đồng; Trường Tiểu học Vinh Kim A: thực hiện xây dựng mới 04 phòng học, 04 phòng chức năng, 02 phòng bộ môn, lát gạch sân trường, hệ thống thoát nước, xây mới nhà vệ sinh với kinh phí 5.2 tỷ đồng.

Tháng 10/2022 phòng Giáo dục và Đào tạo thành lập đoàn kiểm tra đánh giá cơ sở vật chất 05 trường trên địa bàn xã Vinh Kim. Kết quả: có 03/05 Trường có CSVC đạt mức độ 1, đạt tỉ lệ 60% (gồm: Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ, Mẫu giáo Vinh Kim và Trường Tiểu học Vinh Kim B). Có 02/05 Trường có CSVC đạt mức độ 2, đạt tỉ lệ 40% (gồm: Trường Tiểu học Vinh Kim A và Trường THCS Vinh Kim) (Trong đó Trường Tiểu học Vinh Kim A đã quá hạn công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của UBND tỉnh Trà Vinh, hiện đang hoàn chỉnh hồ sơ để đề nghị công nhận lại).

4.5.2. Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Cầu Ngang).

4.5.3. Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, trung học cơ sở mức độ 3 (Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Cầu Ngang).

4.5.4. Xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Cầu Ngang).

4.5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại tốt. (Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện Cầu Ngang).

4.5.6. Xã có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: Mô hình cầu lông và đá cầu.

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa.

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

4.6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

4.6.3. Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới $\geq 90\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở các điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên: xã có 02 điểm lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời nhằm phục vụ cho người dân địa phương.

4.6.2. Hiện nay trên địa bàn xã không có Di sản văn hóa.

4.6.3. Xã Vinh Kim có 10/10 áp đạt chuẩn áp văn hóa, áp nông thôn mới.

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Chợ xã có diện tích 2.023m², nền bê tông, gồm 3 nhà lồng kiên cố 424,8m², các điểm mua bán được bố trí các gian hàng ngăn nắp, sạch đẹp. Có đầy đủ công trình phụ trợ của chợ. Có bố trí khu vực riêng dành cho những người buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vật, người kinh doanh không thường xuyên tại chợ.

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

4.8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt 80%.

4.8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông

4.8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

4.8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân; xã có Bưu điện văn hóa, là điểm giao dịch, phát hành thư, gói kiện hàng hóa và xuất bản phẩm phục vụ cho người dân, đảm bảo thời gian hoạt động theo quy định; có máy vi tính kết nối internet đảm bảo cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

4.8.2. Xã có 5.808 người sử dụng điện thoại thông minh, đạt 82,9% so với tuổi lao động trên địa bàn xã (7.007 người trong độ tuổi lao động).

4.8.3. Hiện nay trên địa bàn xã 10/10 ấp có hệ thống loa hoạt động thường xuyên đảm bảo nhiệm vụ tuyên truyền, ngoài ra xã có trang thông tin điện tử phục vụ cho nhiệm vụ tuyên truyền; 100% ấp trên địa bàn xã đảm bảo hộ gia đình được tiếp cận các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất hoặc truyền hình qua mạng internet. Xã có điểm phát hành báo chí, có thư viện và tủ sách pháp luật đảm bảo đủ điều kiện phục vụ cho người dân nghiên cứu, nâng cao kiến thức.

4.8.4. Hiện nay xã sử dụng phần mềm quản lý tài sản, quản lý hộ tịch, hệ thống IOFFIC đảm bảo phục vụ công tác chuyên môn; ngoài ra cử cán bộ tham gia tập huấn đảm bảo yêu cầu khi có thông báo chiêu sinh của cấp trên; Tổ công nghệ cộng đồng thường xuyên hướng dẫn người dân về kiến thức sử dụng máy tính vi tính và kỹ năng số cơ bản.

4.8.5. Wifi miễn phí ở các điểm công cộng; khu vực trung tâm xã. Tại các điểm công cộng trên địa bàn xã có wifi miễn phí như Ủy Ban nhân Dân xã, trường học, trạm y tế...

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố, đạt 90%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Toàn xã có 4.131/4.170 căn nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng chiếm 99,06%.

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người đạt ≥ 64 triệu đồng/người.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Thực hiện đẩy mạnh tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, các mô hình sản xuất hiệu quả được nhân rộng, trình độ tay nghề của lao động nông thôn ngày càng cao, số cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng từ đó thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 65.695.000đồng/người/năm.

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.11. Tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 đạt theo mức do Bộ Lao động, Thương binh và xã hội quy định.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hiện xã còn 61 hộ nghèo (trong đó có 31 hộ không khả năng lao động) và 100 hộ cận nghèo (trong đó có 30 hộ không khả năng lao động); Tổng hộ nghèo, hộ cận nghèo chung toàn xã 100 hộ (trừ hộ không khả năng lao động), chiếm tỷ lệ 2,39%.

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.12. Tiêu chí số 12 về Lao động

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt $\geq 75\%$.

4.12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt $\geq 30\%$.

4.12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn đạt $\geq 35\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.12.1. Tổng số lao động qua đào tạo 5.523/7.007, chiếm tỷ lệ 78,82% so với lực lượng lao động trong độ tuổi có khả năng tham gia lao động.

4.12.2. Tổng số lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ 3.362/7.007, chiếm tỷ lệ 47,9% so với lực lượng lao động trong độ tuổi có khả năng tham gia lao động.

4.12.3 Tổng số lao động làm việc trong ngành kinh tế chủ lực (nông - thủy sản) 2.536/7.007, chiếm tỷ lệ 36,2%.

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định ≥ 1

4.13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn ≥ 1 .

4.13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm ≥ 1 .

4.13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã ≥ 1 .

4.13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử đạt $\geq 10\%$.

4.13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

4.13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

4.13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.13.1. Có 01 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. HTX Nông Nghiệp Vinh Kim, gồm có 32 thành viên hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp.

4.13.2. Xã có 4 sản phẩm OCOP đạt chuẩn 3 sao: Sản phẩm bánh tráng nước cốt dừa Tám Hiền ấp Chà Và, Lươn thịt Siêu nông ấp Giồng Lớn, Tôm khô Hai khâm ấp Chà Và, Rượu quách ấp Thôn Rôn.

4.13.3. Có mô hình nuôi tôm công nghệ cao của ông Đoàn Văn Vui, ấp Thôn Rôn.

4.13.4. Có ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.

4.13.5. Hiện xã có 04 sản phẩm OCOP đạt chuẩn 3 sao trong đó có sản phẩm bánh tráng sữa nước cốt dừa Tám Hiền được bán qua kênh PostMart chiếm 25%.

4.13.6. Được cấp mã vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng trên cây dừa hấu.

4.13.7. Xã không có điểm du lịch.

4.13.8. Có mô hình nuôi lươn của ông Tô Phước Mạnh hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.14. Tiêu chí số 14 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt $\geq 95\%$

4.14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt $\geq 90\%$

4.14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt $\geq 40\%$

4.14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt $\geq 70\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.14.1. Hiện xã có 13.123/13.719 người tham gia bảo hiểm y tế đạt tỷ lệ 95,65%.

4.14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe: 12.501/13.719, đạt 91,12%.

4.14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa: 5.690/13.719 người, đạt 41,47%.

4.14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử: 9.778/13.719, đạt 71,27%.

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

4.15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

4.15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: Hiện nay xã sử dụng phần mềm quản lý tài sản, quản lý hộ tịch, hệ thống IOFFIC, ngoài ra xã thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính.

4.15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên: Xã triển khai áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên đạt theo quy định.

4.15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không có xảy ra khiếu nại vượt cấp.

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.16. Tiêu chí số 16 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

4.16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận ≥ 1 .

4.16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành $\geq 90\%$.

4.16.3 Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.16.1. Tại xã có 15 tuyên truyền viên pháp luật; Có mô hình phát huy vai trò của người có uy tín tham gia công tác hòa giải; Có 10 tổ hòa giải ở 10 ấp hoạt động có hiệu quả.

4.16.2 Tổng số đơn thư được hòa giải tại cơ sở là 12 đơn, trong đó tỷ lệ hòa giải thành 11 đơn đạt 91,6%.

4.16.3. Trong năm 2022 không có đối tượng yêu cầu trợ giúp pháp lý.

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

4.17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường $\geq 100\%$.

4.17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 95\%$.

4.17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 35\%$.

4.17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$.

4.17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường $\geq 100\%$.

4.17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu và các sản phẩm thân thiện môi trường $\geq 80\%$.

4.17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 85\%$.

4.17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch

4.17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 10\%$.

4.17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại thời điểm dân cư nông thôn 4 m²/người.

4.17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.17.1. Xã có 01 chợ, 01 trạm y tế, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản được kiểm tra đảm bảo vệ sinh môi trường.

4.17.2. Có 55/55 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản).

4.17.3. Xã sử dụng bãi rác tập trung của huyện đảm bảo việc thu gom rác trên địa bàn xã đúng quy định, trung bình mỗi ngày lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại được thu gom và xử lý trên địa bàn xã khoảng 6.639/6.915kg, đạt 96%. Xã có xây dựng Quy ước về bảo vệ môi trường, áp dụng Quy ước áp văn hóa, nông thôn mới (trong đó có Chương IV về môi trường).

4.17.4. Có 1.527/4.170 hộ thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả, đạt 36,61%.

4.17.5. Có 2.085/4.170 hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, đạt 50%.

4.17.6. Có 226/226kg chất thải y tế và bao gói thuốc BVTV được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, đạt 100%.

4.17.7. Toàn xã có 2.514 ha đất nông nghiệp chủ trồng lúa, trồng màu, chăn nuôi với 2.862 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm, 650 ha nuôi trồng thủy sản, trong quá trình sản xuất phát sinh ra phụ phẩm nông nghiệp như: rơm, rạ, thân cây... đạt 85%.

4.17.8. Có 2.627/2.862 hộ chăn nuôi, gia súc, gia cầm, có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt 91,7%.

4.17.9. Xã không có quy hoạch nghĩa trang, có 5 khu đất thánh của người công giáo và trên địa bàn 10 ấp đều có khu nghĩa địa.

4.17.10. Do đặc điểm người dân của xã chủ yếu là dân tộc kinh và người theo đạo công giáo chiếm khoảng 40% dân số, nên người dân không sử dụng hình thức hỏa táng.

4.17.11. Toàn xã có 57.619,8 m² đất trồng cây xanh/13.719 người, đạt tỷ lệ 4,2m²/người. Xã có 3.050 cây xanh trên các tuyến lộ của 10 ấp và các tuyến đường liên ấp, liên xã...

4.17.12. Có 2,8/3,9 tấn, chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.18. Tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt $\geq 55\%$.

4.18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm đạt ≥ 60 lít.

4.18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt $\geq 40\%$.

4.18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%.

4.18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

4.18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt 100%.

4.18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt $\geq 80\%$.

4.18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.18.1. Xã có số hộ sử dụng nước sạch theo qui chuẩn (từ hệ thống cấp nước tập trung) là 2.447/4.170 hộ, đạt tỷ lệ 58,68%.

4.18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm là đạt 65,2 lít nước.

4.18.3. Hiện trên địa bàn xã có một trạm nước cấp nước tập trung tại ấp Chà Và được quản lý, khai thác hoạt động bền vững.

4.18.4. Trên địa bàn xã có 66/66 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100%.

4.18.5. Không có xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn xã.

4.18.6: Trên địa bàn có 02 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông, thủy sản được cấp giấy chứng nhận về an toàn thực phẩm.

4.18.7. Có 3.732/4.170 hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch, đạt 89,49%.

4.18.8. Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, xã thuê đơn vị thu gom rác Thanh Triều vận chuyển về bãi rác tập trung của huyện xử lý.

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

4.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

4.19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.19.1. Ban chỉ huy quân sự xã gồm 05 đồng chí: 01 chỉ huy trưởng, 02 chỉ huy phó, 01 chính trị viên, 01 chính trị viên phó; BCH quân sự xã có nơi làm việc đúng theo quy định, thường xuyên nâng cao chất lượng hoạt động của BCH quân sự xã theo Quyết định 91 của UBND tỉnh. Xã có 138 dân quân, hàng năm đưa dân quân đi huấn luyện đạt chỉ tiêu trên giao.

4.19.2. Trên địa bàn xã không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người, không có trọng án, tội phạm và TNXH được kéo giảm, tai nạn giao thông được kiểm chế. Xã được công nhận xã đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”. Xã

có 10/10 ấp đều được Chủ tịch UBND xã ra quyết định công nhận ấp đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự, đạt 100%.

Toàn xã có 128 tổ tự quản, có 01 CLB công an ninh phòng, chống tội phạm Cà Tum A, 01 CLB cảm hóa giáo dục đối tượng trong tôn giáo ấp Thôn Rôn, 01 CLB phụ nữ giáo dục cảm hóa con em trong gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội ấp Vinh Cửu.... Nhìn chung hoạt động ngày càng phát huy hiệu quả.

Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao:

Từ khi triển khai thực hiện CT MTQG XD nông thôn mới đến nay, xã Vinh Kim không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao.

6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

6.1. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 2023 - 2025:

Xây dựng từ 30% số ấp trở lên đạt chuẩn ấp Nông thôn mới kiểu mẫu.

Phần đầu thực hiện đạt trên 96% hộ gia đình văn hóa, nông thôn mới.

Nâng cao bộ mặt nông thôn của xã về kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển theo hướng tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên và hệ thống chính trị của xã ngày càng vững mạnh.

Thu nhập bình quân hàng năm đạt theo quy định.

Duy trì trên 95% người dân trên địa bàn xã có tham gia bảo hiểm y tế.

Giai đoạn 2025 - 2030:

Xây dựng xã Vinh Kim đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

10/10 ấp của xã được công nhận là ấp nông thôn mới kiểu mẫu.

Phần đầu thực hiện đạt trên 98% hộ gia đình văn hóa, nông thôn mới.

Nâng cao bộ mặt nông thôn của xã về kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển theo hướng tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên và hệ thống chính trị của xã ngày càng vững mạnh.

Thu nhập bình quân hàng năm tăng theo quy định.

Xã không còn hộ nghèo (trừ hộ nghèo thuộc diện bảo trợ).

97% người dân trên địa bàn xã có tham gia bảo hiểm y tế.

6.2. Nội dung, giải pháp

6.2.1. Phát huy vai trò của hệ thống chính trị trong chỉ đạo, điều hành và hoàn thiện bộ máy tham mưu, giúp việc thực hiện Chương trình: Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự điều hành tổ chức

triển khai thực hiện của chính quyền và sự phối hợp đồng bộ của các ngành trong tham gia xây dựng nông thôn mới; củng cố, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới theo hướng chuyên nghiệp và đúng quy định; tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban quản lý xã đảm bảo từng thành viên Ban quản lý có chuyên môn cụ thể, được phân công phụ trách từng tiêu chí để kịp thời tham mưu Trưởng Ban trong quá trình thực hiện Chương trình. Đồng thời, phân công cán bộ phụ trách xây dựng nông thôn mới phải có năng lực, nhiệt tình trong công tác để tham mưu giúp việc.

6.2.2. Nâng cao hiệu quả công tác vận động, tuyên truyền: Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới phương pháp và nội dung công tác tuyên truyền, quán triệt nội dung các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản của Trung ương, tỉnh về xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu để Nhân dân thấy rõ Nhà nước chỉ đóng vai trò hỗ trợ, Nhân dân là chủ thể tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới nhằm nâng cao đời sống vật chất lẫn tinh thần, tạo cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp.

6.2.3. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch: Tập trung rà soát, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; quy hoạch vùng sản xuất các loại nông sản chủ lực, hình thành các mặt hàng nông sản có thương hiệu trên thị trường.

6.2.4. Đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân:

Tiếp tục thực hiện tốt Đề án “*Tái cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững*”, hình thành các vùng trồng trọt và chăn nuôi tập trung với cơ cấu sản xuất phù hợp, hiệu quả, có giá trị kinh tế cao, có nhãn hiệu tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp; Triển khai các mô hình sản xuất ứng dụng khoa học, công nghệ góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững.

Đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp; mở rộng việc liên kết với các cơ quan, doanh nghiệp để nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp, nhất là đưa vào sản xuất các loại giống mới cho hiệu quả kinh tế cao.

6.2.5. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, xây dựng đời sống văn hóa và bảo vệ môi trường:

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển giáo dục, văn hóa, y tế, môi trường khu vực nông thôn, rà soát lại chất lượng các cơ sở vật chất giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường, nước sinh hoạt,...trên địa bàn xã, hàng năm xây dựng kế hoạch sắp xếp, nâng cấp, sửa chữa lại hoặc đầu tư xây dựng mới bảo đảm các điều kiện hoạt động.

Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học; làm tốt công tác khuyến học, khuyến tài, phong trào toàn dân học tập, nâng cao hiệu quả hoạt

động của trung tâm học tập cộng đồng nhằm góp phần nâng cao dân trí cư dân nông thôn.

Xây dựng các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng; hướng dẫn xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước cộng đồng để xây dựng nếp sống văn minh, phát huy các truyền thống văn hóa tốt đẹp.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát các hoạt động sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; Đẩy mạnh phong trào trồng cây xanh, cải tạo hàng rào, trồng hoa ven đường để tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

6.2.6. Củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, an ninh trật tự và hành chính công:

Tăng cường công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh bảo đảm vai trò nền tảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở, lãnh đạo toàn diện kinh tế - xã hội, trật tự, an ninh nông thôn; Phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong giữ vững, nâng chất các tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

Củng cố và nâng cao chất lượng Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, huy động sức mạnh toàn dân trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo giữ vững ổn định an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Thực hiện công tác cải cách hành chính phải đảm bảo công khai minh bạch, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo kịp thời, chú trọng công tác hòa giải ở cơ sở, nhất là các vụ việc có liên quan đến an ninh nông thôn.

6.2.7. Tập trung huy động nguồn lực hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn theo hướng đồng bộ:

Tranh thủ huy động, lồng ghép, bố trí các nguồn lực để nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế; đồng thời kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào phát triển Chợ Phương Thạnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng thương mại, dịch vụ.

Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực; huy động nguồn lực tại chỗ, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới; vận động các tổ chức, doanh nghiệp đóng góp cùng chung tay xây dựng nông thôn mới.

6.2.8. Tiếp tục thực hiện các phong trào thi đua: Hưởng ứng, tổ chức phong trào thi đua để phấn đấu thực hiện đạt mục tiêu và các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới; đồng thời thường xuyên nắm tình hình, phát hiện những cách làm hay, mô hình tốt để phổ biến nhân rộng; khen thưởng kịp thời các ngành, các tổ chức, cá nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp cho Chương trình, nhằm tạo nên phong trào phấn đấu khuyến khích mọi tầng lớp Nhân dân và hệ thống chính trị cố gắng thi đua đạt các mục tiêu của Chương trình.

6.2.9. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình: Tăng cường kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhằm tìm ra

những gương điển hình, những cách làm hay, sáng tạo để nhân rộng. Đồng thời, phát hiện, chỉ ra hạn chế, khó khăn từ đó có cơ sở đề ra các giải pháp thực hiện phù hợp, đạt hiệu quả cho thời gian tiếp theo.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Ủy ban nhân dân xã Vinh Kim đã hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 đảm bảo theo đúng quy định của Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng chính phủ.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Tổng số tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Vinh Kim được UBND huyện Cầu Ngang thẩm tra đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang xác nhận UBND xã Vinh Kim không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới nâng cao.

III. KIẾN NGHỊ

Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Trà Vinh sớm xem xét thẩm định và công nhận xã Vinh Kim đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2022.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPĐP NTM tỉnh;
- TTHU, TTHĐND huyện;
- TB, các PTB BCĐ huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP NTM huyện;
- BLĐ VP, NCNN;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH